

iê

KHẢO SÁT KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT TÂM LÝ CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày đánh giá của những người tham gia nghiên cứu về kỹ năng và phẩm chất tâm lý của sinh viên tại các trường đại học Việt Nam. Kết quả cho thấy những kỹ năng cá nhân được đánh giá với thứ bậc cao nhất, sau đó là những kỹ năng liên nhân cách và thực tiễn. Đối với những phẩm chất tâm lý, những phẩm chất có liên quan đến gia đình được đánh giá cao; còn những phẩm chất khác được đánh giá thấp hơn.

ABSTRACT

Survey on skills and psychological traits of undergraduates at universities in Vietnam

This article is about the research participants 'evaluation on undergraduates' skills and psychological traits at universities in Vietnam. The findings show that personal skills are rated the highest, then interpersonal and practical ones come next. As for psychological traits, the ones related to family are highly rated, whereas the others are rated lower.

Ngày nay hầu như tất cả các tổ chức từ giáo dục, dạy nghề, tư vấn... và các dịch vụ đều tạo ra các phương pháp giúp cho con người đạt đến mục đích của họ. Mặc dù những vấn đề khoa học và kỹ thuật là những vấn đề quan trọng trong môi trường kinh doanh, nhưng việc thành công trong hoạt động thường là vấn đề của việc quản lý thành công nguồn nhân lực. Các cố gắng để cải tiến năng suất, nâng cao tinh thần của nhân viên, hoặc hoàn thiện chất lượng sản phẩm tất cả đều tùy thuộc vào các kỹ thuật được hoạch định tốt, thông tin phản hồi chính xác về các ảnh hưởng của kế hoạch được áp dụng, và cách sử dụng thông tin phản hồi đó. Do đó việc

tổ chức đánh giá các chương trình hoạt động trong các lĩnh vực là việc làm cần thiết để đạt đến hiệu quả cao hơn, hoặc cải tiến các phương pháp, cách thức cần thiết cho chương trình hoạt động đó. Đặc biệt trong giáo dục, các trường học cần đánh giá tính hiệu quả của các giáo viên, các chương trình chuyên môn, và tính hiệu quả của một chương trình học mới cũng cần được đánh giá trước khi phổ biến sang các trường học khác. Các chương trình giáo dục tạo thành một bộ phận chính của ngành dịch vụ mang tính nhân văn. Các sản phẩm và mục đích của các chương trình này khó mô tả đầy đủ được. Con người tham gia vào các chương trình giáo dục để đạt được một trình độ học vấn hoặc để được cho phép làm các nghề nghiệp hoặc các

* PGS TS, Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

công việc khác nhau, để học một tay nghề chuyên môn với mục đích đạt được sự thoải mái, hoặc tự hoàn thiện, hoặc để củng cố vị thế xã hội, và để đạt đến sự phát triển trí tuệ và tâm lý.

Để thực hiện việc đánh giá sản phẩm đào tạo của các trường đại học trong toàn quốc để tìm ra những giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn từ nay đến năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thực hiện đề tài “Các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục đại học” (Mã số: B 2004.CTGD.05) do PGS.TSKH. Bùi Mạnh Nhị làm chủ nhiệm đề tài. Dữ liệu do TS. Nguyễn Kim Dung (Thư ký khoa học của đề tài) cung cấp.

Giáo dục đại học có nhiều mục tiêu: giáo dục trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, giao tiếp, sáng tạo, giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng với môi trường, khả năng tự học, nghiên cứu và một kỹ năng không kém phần quan trọng là rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức...

Trong các kỹ năng tối thiểu mà các nhà tuyển dụng cho là quan trọng và chủ yếu để có thể tồn tại trong công việc là: đi làm đầy đủ, đúng hạn, trung thực, có thể làm việc được với người hướng dẫn, có thể làm việc được với các cộng sự, đúng giờ; làm đúng hướng dẫn, chăm chỉ và hiệu quả, có khả năng kết hợp, nhạy cảm, giải quyết vấn đề, có tư duy thiên về kết quả, đưa ra các quyết định, làm việc theo nhóm, hướng dẫn người khác, thực hiện được nhiều nhiệm vụ; thân thiện, thận trọng; kiên

nhẫn, có tham vọng; tiếp thu nhanh và tự giác.

Bên cạnh các kỹ năng, những năng lực hoặc phẩm chất cá nhân của sinh viên cần rèn luyện là: sự quyết đoán, trung thành, kiên định, hữu ích, hiệu quả, có sức khoẻ, có năng lực, chín chắn, lịch thiệp, khiêm tốn, có nghị lực, có khả năng thực hành các kỹ năng mới, vui vẻ, có phương pháp, có lòng tự hào về công việc của mình, có óc tưởng tượng, có nhiệt tình, có mức độ, chín chắn, độc lập, có năng lực diễn cảm, kiên trì, hoàn thành nhiệm vụ, có động cơ; tháo vát, cần cù, đáng tin cậy, thân mật, cởi mở, tự tin, sáng tạo, lạc quan, linh hoạt, hiểu biết rộng, chân thành, có óc khôi hài, độc đáo, có óc tổ chức. (Lược trích từ Báo cáo kết quả, trang 6)

Mục đích của bài viết là trình bày và phân tích dữ liệu một cách cụ thể bằng các con số cụ thể theo từng câu của các phần trong bảng hỏi được toàn bộ các khách thể trong mẫu nghiên cứu đánh giá.

Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài chủ yếu sử dụng các phương pháp dưới đây:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp nghiên cứu khảo sát.
- Phương pháp Toán thống kê để xử lý số liệu.

Trong phạm vi bài này, người viết sử dụng những dữ liệu của đề tài, xử lý và bình luận theo ý tưởng và kinh nghiệm riêng của cá nhân.

Mẫu nghiên cứu:

+ Tổng cộng: 5 062

iê

+ Giới tính: Nam: 2 569; Nữ: 2 333;
Không ghi: 160
+ Tuổi (Tính đến năm 2004): Dưới
30: 3 667; Từ 30 trở lên: 1 193; Không
ghi: 202

Lĩnh vực chuyên ngành đang công
tác:

- Sinh viên tốt nghiệp 847
- Nhà tuyển dụng 238
- Giảng viên đại học 1 084
- Sinh viên năm cuối 2 598
- Nhà nghiên cứu giáo dục 129

- Nhà quản lý giáo dục 166
Tổng cộng: 5 062

Kết quả nghiên cứu:

Độ tin cậy của thang đo: 0,951

Trong mục này, các phần đánh giá
được phân theo kỹ năng, phẩm chất cá
nhân, phẩm chất đạo đức chính trị của
sinh viên trong thời gian được đào tạo ở
đại học.

***Bảng 1. Kết quả đánh giá của toàn mẫu nghiên cứu về các kỹ năng
của sinh viên trong thời gian học đại học***

Các kỹ năng	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Thứ bậc
Chấp nhận sự đa dạng trong cuộc sống	3,82	0,78	1
Làm việc độc lập	3,63	0,80	2
Thích ứng	3,62	0,77	3
Tự học	3,57	0,81	4
Có óc quan sát	3,57	0,74	5
Giao tiếp	3,51	0,80	6
Hợp tác	3,50	0,78	7
Đánh giá	3,50	0,69	8
Tư duy sáng tạo	3,46	0,72	9
Giải quyết vấn đề	3,45	0,73	10
Thu thập thông tin	3,44	0,75	11
Làm việc theo nhóm	3,44	0,85	12
Sử dụng thông tin	3,39	0,74	13

Kết quả của bảng 1 cho thấy các
kỹ năng được đánh giá của toàn mẫu
theo các thứ bậc như sau:

- Có thể nói, những thứ bậc được
đánh giá ở mức độ cao là những kỹ

năng mang tính cá nhân: Chấp nhận sự
đa dạng trong cuộc sống (thứ bậc 1),
Làm việc độc lập (thứ bậc 2), Thích
ứng (thứ bậc 3), Tự học (thứ bậc 4), Có
óc quan sát (thứ bậc 5). Kết quả này

phản ánh hoàn cảnh của sinh viên Việt Nam: đa số sinh viên có gia đình sống xa các trường đại học, nên khi đi học thường sống xa gia đình, hòa nhập vào một hoàn cảnh mới với những người cùng cảnh ngộ, nhưng mang đến tập thể đó những nét đa dạng về tất cả các mặt của những vùng miền khác nhau. Do đó, muốn tự khẳng định bản thân, trước hết sinh viên phải chấp nhận cuộc sống đa dạng đó, phải tự thích ứng, phải tự học theo nghĩa rộng, tất cả những diễn tiến chung quanh bản thân, theo nghĩa hẹp, học trong trường lớp. Một trong những dụng cụ để học hỏi là phải có khả năng quan sát. Nói cách khác, khi bước chân vào đại học, sinh viên Việt Nam hòa nhập và phải thích ứng với một môi trường mới và họ cần có những kỹ năng nêu trên.

- Các thứ bậc được đánh giá thấp hơn rơi vào những kỹ năng mang tính liên nhân cách và mang tính thực tiễn như: Giao tiếp (thứ bậc 6), Hợp tác (thứ bậc 7), Tự đánh giá (thứ bậc 8), Tư duy sáng tạo (thứ bậc 9), Giải quyết vấn đề (thứ bậc 10), Thu thập thông tin (thứ bậc 11), Làm việc theo nhóm (thứ bậc 12), Sử dụng thông tin (thứ bậc 13). Có thể giải thích kết quả này như sau: một phần do điều kiện sống, cụ thể là lối sống đại gia đình nên sinh viên được tạo một nếp suy nghĩ “tình làng nghĩa xóm” theo một khuôn phép, một trật tự có sẵn; vì thế, tầm nhìn chưa được thoáng như thiếu tinh thần hợp tác, chưa biết làm việc theo nhóm, theo tập thể. Đồng thời, khi sống trong một trật

tự có sẵn, các thành viên đó khó có thể tự tạo cho bản thân các kỹ năng giao tiếp, đánh giá, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề vì những thứ “định sẵn” trong cơ chế nêu trên như giao tiếp theo một khung định sẵn: vâng lời bề trên, tuân theo những quy định của gia đình, của làng xã; sống theo đánh giá của dư luận xã hội. Nói cách khác, mọi việc đều do người khác quy định hoặc quyết định thay; hơn nữa, trong trường đại học hiện nay, gần như các bộ môn dạy về con người và quan hệ con người chưa được coi trọng, và những hoạt động tập thể, mặc dù có, nhưng chưa tạo nên tác dụng hiệu quả nên sinh viên có những điểm yếu nêu trên.

Ngoài ra, kết quả này có thể do những nguyên nhân như: lối sống ở các vùng xa thành thị, ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài; phương pháp học tập chưa được giảng dạy hướng dẫn một cách cụ thể, khoa học và hệ thống, cũng như các kỹ năng ngôn ngữ chưa được rèn luyện ở đại học; đồng thời, việc sử dụng máy vi tính chưa thành thạo.

Thông thường, việc thu thập thông tin và sử dụng thông tin, trước hết, phục vụ cho việc học, nhưng khi sinh viên học tập theo lối kinh nghiệm từ phổ thông, thì việc này gần như là không được quan tâm nhiều. Nói tóm lại, hoàn cảnh sống, việc đào tạo của đại học và điều kiện học tập chưa tạo cho sinh viên những kỹ năng cần thiết cho một xã hội công nghiệp.

iê

Bảng 2. Kết quả đánh giá của toàn mẫu nghiên cứu về các phẩm chất cá nhân của sinh viên trong thời gian học đại học

Các phẩm chất cá nhân	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Thứ bậc
Trung thực	3,97	0,76	1
Có kỷ luật	3,92	0,75	2
Có sức khỏe	3,85	0,68	3
Kiên trì	3,67	0,80	4
Tự tin	3,66	0,79	5
Cẩn thận	3,64	0,74	6

Kết quả của bảng 2 cho thấy các phẩm chất cá nhân được đánh giá của toàn mẫu theo các thứ bậc như sau:

Một trong những kết quả tương đối khác với đánh giá thông thường của báo chí là hiện nay tình trạng quay cóp – một trong thi cử diễn ra thường xuyên, nhưng kết quả này cho thấy tính trung thực được đánh giá ở thứ bậc cao nhất. Tính kỷ luật được đánh giá thứ nhì. Điều này có thể giải thích là do sinh viên vâng lời phụ huynh trong gia đình nên họ học hành và làm việc để có thể vào đại học. Phải chăng đây là kết quả dây chuyền của một phẩm chất, theo truyền thống, được đánh giá là tốt? Về sức khỏe, kết quả đánh giá ở mức độ xấp xỉ trung bình (trung bình cộng của

câu hỏi là 3) trong 6 phẩm chất là phù hợp vì trong phần lớn hoàn cảnh gia đình của sinh viên không lấy gì sung túc nên sức khỏe của họ, một cách tổng quát, không tốt lắm.

Ba phẩm chất: sự tự tin, tính kiên trì và cẩn thận được đánh giá ở các thứ bậc thấp có lẽ do gia đình “chăm sóc” khá chu đáo nên sinh viên không có cơ hội để rèn luyện các phẩm chất này! Hơn nữa, những đánh giá bên ngoài chưa có dịp tiếp xúc nhiều với sinh viên nên có thể còn chủ quan, chưa đầy đủ. thực ra, các phẩm chất sự tự tin, tính kiên trì và cẩn thận được rèn luyện từ rất sớm khi các sinh viên còn học ở các cấp học thấp hơn.

Bảng 3. Kết quả đánh giá của toàn mẫu nghiên cứu về các phẩm chất chính trị đạo đức của sinh viên trong thời gian học đại học

Các phẩm chất cá nhân	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Thứ bậc
Tôn trọng pháp luật	4,11	0,72	1
Tôn trọng mọi người	4,06	0,70	2
Tinh thần trách nhiệm	3,93	0,74	3
Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp	3,91	0,77	4
Làm chủ bản thân	3,88	0,75	5
Sống có lý tưởng	3,78	0,77	6
Có thể hiện lòng yêu nghề	3,78	0,77	7

Kết quả của bảng 3 cho thấy các phẩm chất chính trị, đạo đức của sinh viên trong thời gian học đại học được đánh giá của toàn mẫu theo các thứ bậc như sau:

Tôn trọng pháp luật (thứ bậc 1), Tôn trọng mọi người (thứ bậc 2), Tinh thần trách nhiệm (thứ bậc 3), Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp (thứ bậc 4), Làm chủ bản thân (thứ bậc 5); Sống có lý tưởng (thứ bậc 6), Có thể hiện lòng yêu nghề (thứ bậc 7).

Như đã phân tích ở bảng 2, những phẩm chất do ảnh hưởng giáo dục gia đình được đánh giá ở thứ bậc cao. Việc tôn trọng pháp luật, tôn trọng mọi người có thể do ảnh hưởng của việc giáo dục theo tôn ti, trật tự của gia đình nhỏ; tinh thần trách nhiệm và làm chủ bản thân có thể do ảnh hưởng của việc giáo dục về việc làm “rạng rỡ tông môn” của dòng họ, của thôn làng.

Cho đến hiện nay, ý kiến về việc vâng lời, sống theo chế độ gia đình, dòng tộc, tuân theo lệ làng là việc còn tranh cãi. Tuy nhiên, mỗi cách sống trong các chế độ trước đây có những tác dụng tốt cũng như không tốt đến cuộc sống ngày nay, và ở một góc cạnh này chúng có tác dụng tiêu cực, nhưng ở một góc cạnh khác, chúng lại có những tác dụng tích cực. Vì thế, việc chặt lọc để phát huy những mặt tốt và loại bỏ những mặt hạn chế của các lối sống là nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu và giáo dục của chúng ta hiện nay.

Có thể các đánh giá về đạo đức nghề nghiệp, thể hiện lòng yêu nghề là những đánh giá hơi sớm so với thời gian sống và làm việc của sinh viên bởi

vì các phẩm chất này cần có thời gian để sống và chịu thử thách trong nghề thì mới thể hiện đạo đức nghề nghiệp và lòng yêu nghề một cách đầy đủ và trọn vẹn được. Việc sống có lý tưởng được quan tâm hướng dẫn lúc sinh viên còn là những học sinh ở cấp học thấp nhất. Tuy nhiên, hiệu quả của việc giáo dục này được đánh giá ở những lúc khá nhạy cảm, đòi hỏi nhiều yếu tố như môi trường sống, những tác động của các hình thức giáo dục không chính thức, những tác động ngoại lai, v.v... Do đó, việc hình thành lý tưởng cho sinh viên và giúp họ hoàn chỉnh để sống theo lý tưởng của dân tộc, của chế độ là một việc làm quan trọng và cần thiết vì mục đích của giáo dục là hình thành nhân cách ở thế hệ trẻ phục vụ cho đất nước, cho dân tộc và cho chế độ. Nhìn chung, những phẩm chất được thừa hưởng từ giáo dục gia đình thì được đánh giá cao hơn; trong khi đó những phẩm chất có liên quan đến những điều cao quý hơn, ở một tầm vóc rộng lớn hơn, ở hoàn cảnh sống khác nhau thì được đánh giá ở những thứ bậc thấp hơn.

Tóm lại, đây là một công trình nghiên cứu có mẫu nghiên cứu lớn trải dài khắp Việt Nam và ở nhiều trường đại học. Bài viết chỉ đề cập đến kỹ năng, phẩm chất cá nhân, phẩm chất đạo đức chính trị của sinh viên trong thời gian được đào tạo ở đại học. Cụ thể như sau:

- Về kỹ năng: Những kỹ năng mang tính cá nhân được đánh giá cao nhất, những kỹ năng mang tính liên nhân cách và mang tính thực tiễn được đánh giá ở các mức độ thấp hơn. Nói cách khác, sinh viên Việt Nam chưa quen với

iê

phong cách làm việc chung và chưa được đào tạo một cách có hệ thống các kỹ năng làm việc trong thực tiễn.

- Về các phẩm chất cá nhân: Có một số đánh giá của sinh viên không phù hợp với đánh giá thông thường của dư luận và của các phương tiện truyền thông đại chúng. Có thể nói, sinh viên chưa có kinh nghiệm thực tiễn để đánh

giá chính xác các phẩm chất cá nhân của họ.

- Về các phẩm chất chính trị, đạo đức: Những phẩm chất được thừa hưởng từ giáo dục gia đình thì được đánh giá cao hơn; trong khi đó những phẩm chất có liên quan đến những điều cao quý hơn, ở một tầm vóc rộng lớn hơn, ở hoàn cảnh sống khác nhau thì được đánh giá ở những thứ bậc thấp hơn.

Ghi chú: Bài viết này sử dụng số liệu của đề tài cấp Bộ “Các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục đại học” (Mã số: B 2004.CTGD.05) và viết theo quan điểm của tác giả - thành viên của nhóm thực hiện do PGS.TSKH. Bùi Mạnh Nhị chủ nhiệm đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1992), *Việt Nam Văn hóa Sử cương*, Nxb TP Hồ Chí Minh. (Tái bản theo nguyên bản của Quan Hải Tùng thư 1938).
2. Phan Bình (2000), *Văn hóa Giáo dục - Con người và Xã hội*, Nxb Giáo dục.
3. Lê Văn Hồng và cộng sự (1995), *Tâm lý học Lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm*, Hà Nội.
4. Karen Huffman (2004), *Psychology in Action*. John Wiley & Son, Inc
5. Robert B. Lawson (1998), *Organizational Psychology*, Oxford: Oxford University Press.
6. Paul M. Muchinsky (2003), *Psychology Applied to Work*, California: Wadsworth/Thomson Learning.
7. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
8. Joan Kelly-Plate and Ruth Volz Patton (1991), *Career Skills*, New York: McGraw-Hill.